TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;

2. Bà Lê Thị Tý.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trần Thị Tuyết Mai – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1386/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1990; thường trú: Ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Châu T, tỉnh Đồng T; tạm trú:267/24/1D Lê Đình C, khu phố 5, phường Tân T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Võ Văn Kh, sinh năm: 1986; thường trú: Ấp Phạm K, xã Vĩnh H, huyện Vĩnh C, tỉnh Sóc Tr; tạm trú: 267/24/1D Lê Đình C, khu phố 5, phường Tân T, quận Bình T Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Võ Văn Kh vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: bà và ông Võ Văn Kh có thời gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022 có tổ chức đám cưới

và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07 tháng 3 năm 2016.

Quá trình chung sống: bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, ông Võ Văn Kh nhiều lần đánh bà Huỳnh Thị L từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông Võ Văn Kh sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn Kh.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông Võ Văn Kh có 01 (một) con chung tên Võ Đức Thành T (nam), sinh ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Đức Thành T (nam), không yêu cầu ông Võ Văn Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: bà xác định không có.

Bị đơn ông Võ Văn Kh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để ông đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Võ Văn Kh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Bà Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu vắng mặt;

- Ông Võ Văn Kh vắng mặt không lý do;

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh có đăng ký kết hôn, bà Huỳnh Thị L yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Kh nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Võ Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 16/2016 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07 tháng 3 năm 2016 cấp cho bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh cùng lời khai của bà Huỳnh Thị L về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh là hôn nhân hợp pháp.

Bị đơn ông Võ Văn Kh đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ và lời khai do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, ông Võ Văn Kh nhiều lần đánh bà Huỳnh Thị L từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh không chung sống với nhau từ tháng 5/2022 đến nay. Do bà Huỳnh Thị L không còn tình cảm với ông Võ Văn Kh, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông

Võ Văn Kh. Ông Võ Văn Kh vắng mặt tại tất cả những buổi làm việc, phiên hòa giải, công khai chứng cứ do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù ông Võ Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, ông cũng không có ý kiến về việc bà Huỳnh Thị L yêu cầu ly hôn gửi đến Tòa án. Cho thấy, ông Võ Văn Kh không có thiện chí hàn gắn gia đình và không còn yêu thương, tôn trọng bà Huỳnh Thị L, không quan tâm đến hôn nhân của ông bà. Mặt khác, bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2022. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau", "Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau..." và Điều 56 quy định "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Như vậy, bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng là không chung sống, thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến nhau.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị L đối với ông Võ Văn Kh.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh có 01 (một) con chung tên Võ Đức Thành T (nam), sinh ngày 06 tháng 4 năm 2018. Bà Huỳnh Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ Trí và không yêu cầu ông Võ Văn Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Võ Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông không quan tâm đến hôn nhân giữa ông và bà Huỳnh Thị L cũng như không quan tâm đến yêu cầu về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Võ Đức Thành T cho bà Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị L không yêu cầu ông Võ Văn Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Huỳnh Thị L xác định không có nên không xem xét.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc xin ly hôn với ông Võ Văn Kh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Võ Văn Kh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07 tháng 3 năm 2016 cho bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh không còn giá trị.

1.2. Về con chung: bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn Kh có 01 (một) con chung tên Võ Đức Thành T (nam), sinh ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Giao trẻ Võ Đức Thành T (nam) cho bà Huỳnh Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị L không yêu cầu ông Võ Văn Kh cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Văn Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà Huỳnh Thị L khi bà Huỳnh Thị L, ông Võ Văn Kh hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà Huỳnh Thị L có quyền yêu cầu ông Võ Văn Kh thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông Võ Văn Kh cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà Huỳnh Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Võ Văn Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: bà Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà Huỳnh Thị L xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Huỳnh Thị L phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Huỳnh Thị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0009456 ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga